

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 138

LUẬN VỀ CHẤP THỌ (Phần 2)

Hỏi: Pháp tương ứng với nhân cùng Pháp tương ứng với nhân, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là nhân Tương ứng, Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Đẳng vô gián, đó là pháp tương ứng với nhân đẳng vô gián, pháp tương ứng với nhân hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp tương ứng với nhân làm sở duyên cho pháp tương ứng với nhân. Tăng thượng, đó là không ngăn cản đối với sinh khởi, và chỉ riêng không có chướng ngại.

Hỏi: Pháp tương ứng với nhân cùng Pháp không tương ứng với nhân, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Đẳng vô gián, đó là pháp tương ứng với nhân đẳng vô gián, pháp không tương ứng với nhân hiện rõ ở trước mắt, tức là Đẳng chí Vô tướng, Đẳng chí Diệt tận, là pháp của tâm-tâm sở đẳng vô gián. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là sở duyên, bởi vì pháp không tương ứng với nhân không có sở duyên.

Hỏi: Pháp không tương ứng với nhân cùng Pháp không tương ứng với nhân, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp không tương ứng với nhân cùng Pháp tương ứng với nhân, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Sở duyên, đó là pháp không tương ứng với nhân làm sở duyên cho pháp tương ứng với nhân. Tăng

thượng, nói như trước. Không phải là Đẳng vô gián, bởi vì pháp không

tương ứng với nhân không phải là Đẳng vô gián duyên.

Hỏi: Pháp có sở duyên cùng với Pháp có sở duyên, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là nhân Tương ứng, Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Đẳng vô gián, đó là pháp có sở duyên đẳng vô gián, pháp có sở duyên hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp có sở duyên làm sở duyên cho pháp có sở duyên. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp có sở duyên cùng với Pháp không có sở duyên, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Đẳng vô gián, đó là pháp có sở duyên đẳng vô gián, pháp không có sở duyên hiện rõ ở trước mắt, tức là Đẳng chí Vô tướng, Đẳng chí Diệt tận, là pháp tâm- tâm sở đẳng vô gián. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là sở duyên, bởi vì không có sở duyên của pháp không có sở duyên.

Hỏi: Pháp không có sở duyên cùng với Pháp không có sở duyên, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp không có sở duyên cùng với Pháp có sở duyên, làm mấy nhân?

Đáp: Nhân, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Sở duyên, đó là pháp không có sở duyên làm sở duyên cho pháp có sở duyên. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là đẳng vô gián, bởi vì pháp không có sở duyên không phải là đẳng vô gián.

Hỏi: Pháp có sắc cùng với Pháp có sắc, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp có sắc cùng với Pháp không có sắc, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Dị thực. Sở duyên, đó là pháp có sắc làm sở duyên cho pháp không có sắc. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là đẳng vô gián, bởi vì pháp có sắc không phải là đẳng vô gián duyên.

Hỏi: Pháp không có sắc cùng với Pháp không có sắc, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là năm

nhân, đó là năm nhân như Tương ưng... Đẳng vô gián, đó là pháp không có sắc đẳng vô gián, pháp không có sắc hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp không có sắc làm sở duyên cho pháp không có sắc. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp không có sắc cùng với Pháp có sắc, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Pháp có thấy-không có thấy, có đối-không có đối, nói cũng như vậy. Sai biệt là Pháp có thấy cùng với Pháp có thấy, làm hai nhân, đó là nhân Đồng loại- Dị thực; còn lại đều nói như trước.

Hỏi: Pháp hữu lậu cùng với Pháp hữu lậu, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân như Tương ưng... Đẳng vô gián, đó là pháp hữu lậu đẳng vô gián, pháp hữu lậu hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp hữu lậu làm sở duyên cho pháp hữu lậu. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp hữu lậu cùng với Pháp vô lậu, làm mấy duyên?

Đáp: Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Đẳng vô gián, đó là pháp hữu lậu đẳng vô gián, pháp vô lậu hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp hữu lậu làm sở duyên cho pháp vô lậu, tức là tâm-tâm sở pháp thuộc phẩm Nhãn trí của Khổ-Tập. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là nhân, bởi vì nhân giống như chủng tử, không phải là pháp hữu lậu làm chủng tử cho pháp vô lậu.

Hỏi: Pháp vô lậu cùng với Pháp vô lậu, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là nhân Tương ưng, Câu hữu, Đồng loại. Đẳng vô gián, đó là pháp vô lậu đẳng vô gián, pháp vô lậu hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp vô lậu làm sở duyên cho pháp vô lậu, tức là tâm-tâm sở pháp thuộc phẩm Nhãn trí của Diệt- Đạo. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp vô lậu cùng với Pháp hữu lậu, làm mấy duyên?

Đáp: Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Đẳng vô gián, đó là pháp vô lậu đẳng vô gián, pháp hữu lậu hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp vô lậu làm sở duyên cho pháp hữu lậu. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là nhân, bởi vì nhân giống như chủng tử, không phải là pháp vô lậu làm chủng tử cho pháp hữu lậu.

Hỏi: Pháp hữu vi cùng với Pháp hữu vi, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân như Tương ưng... Đẳng vô gián, đó là pháp hữu

vi đẳng vô gián, pháp hữu vi hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp hữu vi làm sở duyên cho pháp hữu vi. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp hữu vi cùng với Pháp vô vi, làm mấy duyên?

Đáp: Không có.

Hỏi: Pháp vô vi cùng với Pháp vô vi, làm mấy duyên?

Đáp: Không có.

Hỏi: Pháp vô vi cùng với Pháp hữu vi, làm mấy duyên?

Đáp: Sở duyên và Tăng thượng. Sở duyên, đó là pháp vô vi làm sở duyên cho pháp hữu vi. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Vì sao Pháp hữu vi có nhân-có duyên, Pháp vô vi không có nhân-không có duyên?

Đáp: Bởi vì tánh của các pháp hữu vi yếu kém, cho nên dựa vào các nhân duyên; pháp vô vi mạnh mẽ không dựa vào nhân duyên. Như người kém cỏi dựa vào người khác, người mạnh khỏe thì không dựa vào ai cả; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Các pháp hữu vi có tác dụng cho nên dựa vào các nhân duyên, pháp vô vi không có tác dụng cho nên không dựa vào nhân duyên. Như người cắt cỏ thì cần đến cái liềm, người đào đất thì cần đến cái thuổng, người không làm gì thì không cần đến gì cả; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Các pháp hữu vi hiện hành giữa thế gian với tác dụng chọn lấy quả (thủ quả), hiểu rõ về cảnh cho nên cần đến nhân duyên, pháp vô vi không có sự việc như vậy cho nên không cần đến nhân duyên. Như người đi xa thì cần đến lương thực, không đi thì không cần đến; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Hữu vi như Vua cũng như quyền thuộc cho nên có nhân duyên, vô vi như Vua mà không như quyền thuộc cho nên không có nhân duyên. Như Vua và quyền thuộc của Vua, người giàu sang và quyền thuộc của người giàu sang, Đế Thích và quyền thuộc của Đế Thích, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp hữu vi có lúc không sinh khởi thì pháp nào làm trở ngại, là pháp hữu vi hay là pháp vô vi?

Đáp: Các pháp hữu vi làm cho trở ngại, không phải là pháp vô vi, bởi vì pháp vô vi luôn luôn làm nhân Năng tác và duyên Tăng thượng cho pháp hữu vi, đối với sinh khởi hay không sinh khởi đều không có chướng ngại, như miệng sư tử... ở bên suối hồ, lúc nước không chảy thì tự nhiên có duyên khác chứ không phải là miệng của những loài này làm chướng ngại.

Hỏi: Các pháp vô vi cùng với pháp hữu vi làm Tăng thượng duyên và Sở duyên duyên, đối với duyên tự động-duyên không tự động làm Tăng thượng duyên, có mạnh-yếu hay không?

Đáp: Nghĩa về Tăng thượng duyên như nhau chứ không có gì sai biệt, bởi vì nếu duyên hay không duyên đều không có gì chướng ngại; nghĩa về Sở duyên duyên thì có sai biệt, đối với duyên tự động thì làm Sở duyên duyên, đối với duyên không tự động thì sẽ không làm.

Các triền-sở triền nối tiếp Hữu (nẻo, loài) địa ngục. Cho đến nói rộng ra.

Đã nói đến thanh Hữu thì nghĩa có nhiều loại, như trong chương Kiết Uẩn nói rộng ra. Trong này nói đến Chúng đồng phần nối tiếp, năm Uẩn thuộc số hữu tình gọi là Hữu. Nhưng nối tiếp nhau có năm loại:

1. Trung hữu nối tiếp nhau.
2. Sinh hữu nối tiếp nhau.
3. Phần vị nối tiếp nhau.
4. Pháp nối tiếp nhau.
5. Sát na nối tiếp nhau.

Trung hữu nối tiếp nhau, nghĩa là Uẩn của Tử hữu diệt đi, Uẩn của Trung hữu khởi lên, Trung hữu nối tiếp Tử hữu gọi là Trung hữu nối tiếp nhau.

Sinh hữu nối tiếp nhau, nghĩa là Uẩn của Trung hữu diệt đi, Uẩn của Sinh hữu khởi lên, Sinh hữu nối tiếp Trung hữu gọi là Sinh hữu nối tiếp nhau.

Phần vị nối tiếp nhau, nghĩa là Uẩn của phần vị Yết-la-lam diệt đi, Uẩn của phần vị Át-bộ-đàm khởi lên, cho đến Uẩn của phần vị Trung niên diệt đi, Uẩn của phần vị Lão niên khởi lên, đều lấy phần vị sau nối tiếp phần vị trước gọi là Phần vị nối tiếp nhau.

Pháp nối tiếp nhau, nghĩa là pháp thiện đẳng vô gián, pháp nhiễm ô hoặc là pháp vô ký hiện rõ ở trước mắt; pháp nhiễm ô đẳng vô gián, pháp thiện hoặc là pháp vô ký hiện rõ ở trước mắt; pháp vô ký đẳng vô gián, pháp thiện hoặc là pháp nhiễm ô hiện rõ ở trước mắt, đều lấy pháp sau nối tiếp pháp trước gọi là Pháp nối tiếp nhau.

Sát-na nối tiếp nhau, nghĩa là Uẩn của sát-na thứ nhất đẳng vô gián, Uẩn của sát-na thứ hai hiện rõ ở trước mắt, sát-na sau nối tiếp sát-na trước gọi là Sát-na nối tiếp nhau.

Năm loại này đều đưa vào trong hai sự nối tiếp nhau, đó là Pháp nối tiếp nhau và Sát-na nối tiếp nhau, bởi vì đều không tách rời Pháp

và Sát-na.

Cõi (giới) phân biệt, cõi Dục có đủ năm loại, cõi Sắc có bốn loại trừ ra Phần vị, cõi Vô sắc có ba loại lại trừ ra Trung hữu.

Nẻo (thú) phân biệt, địa ngục có bốn loại trừ ra Phần vị, nẻo còn lại có đủ năm loại.

Sinh phân biệt, tất cả đều có đủ năm loại.

Ở trong năm loại nối tiếp nhau này, dựa vào hai loại nối tiếp nhau mà soạn luận, đó là Trung hữu và Sinh hữu.

Hỏi: Các triền-sở triền nối tiếp loài địa ngục, lúc đầu đã có được Đại chủng của các căn, Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Ngay tâm-tâm sở pháp ấy cùng với Đại chủng của các căn ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Các triền-sở triền nối tiếp loài bàng sinh, loài quỷ, loài người, loài trời, lúc đầu đã có được Đại chủng của các căn, Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Ngay tâm-tâm sở pháp ấy cùng với Đại chủng của các căn ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Nếu tâm-tâm sở pháp ấy, không duyên với Đại chủng của các căn ấy mà đầu thai (kiết sinh), thì có thể nói Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, chỉ là một Tăng thượng; nếu tâm-tâm sở pháp ấy, duyên với Đại chủng của các căn ấy mà đầu thai, thì Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy sẽ làm hai duyên, đó là Sở duyên và Tăng thượng. Vì sao nhất định trả lời chỉ là một Tăng thượng?

Đáp: Cũng cần phải nói là hai mà không nói đến thì nên biết nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói về quyết định, nghĩa là Tăng thượng duyên thì nhất định, Sở duyên duyên thì không nhất định, vì vậy không nói đến.

Có người nói: Trong này nói về cùng có, nghĩa là Đại chủng của căn cùng với tâm-tâm sở lần lượt làm Tăng thượng duyên, vì vậy đã nói không phải là tâm-tâm sở cùng với Đại chủng của căn làm Sở duyên, cho nên không nói đến.

Có người nói: Trong này nói về giúp đỡ lẫn nhau, nghĩa là Đại chủng của căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp lại giúp đỡ lẫn nhau, mạnh hơn về nghĩa của Tăng thượng; Sở duyên thì không như vậy, bởi vì hễ duyên với pháp nào thì cũng có thể sinh khởi, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Sinh ở cõi Dục tiến vào Tĩnh lự thứ nhất thuộc hữu lậu, cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, nuôi lớn các căn-tăng thêm Đại chủng, Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Ngay tâm-tâm sở pháp ấy cùng với Đại chủng của các căn, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Tâm-tâm sở pháp ấy, nếu duyên với pháp khác mà tiến vào Định thì có thể như đã nói; nếu duyên với chính Đại chủng của các căn ấy mà tiến vào Định thì có hai duyên, tại sao lại nói chỉ là một Tăng thượng?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói về quyết định, Sở duyên thì không nhất định, vì vậy không nói đến.

Có người nói: Trong này nói về cùng có, Sở duyên thì không như vậy, cho nên không nói đến.

Có người nói: Trong này nói về giúp đỡ lẫn nhau, nghĩa là tâm-tâm sở cùng với Đại chủng của căn ấy, lại giúp đỡ lẫn nhau, mạnh hơn về nghĩa của Tăng thượng; Sở duyên thì không như vậy, hễ duyên với pháp nào thì cũng có thể sinh khởi, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Tiến vào các Tĩnh lự nuôi lớn các căn-tăng thêm Đại chủng, cùng với tiến vào Vô sắc, sai biệt thế nào?

Đáp: Tĩnh lự nuôi lớn-tăng thêm, nhiều mà không phải là diệu, như thức ăn của nước Phược-hát; Vô sắc nuôi lớn-tăng thêm, diệu mà không phải là nhiều, như thức ăn của vùng Trung Ấn Độ.

Hỏi: Sinh ở cõi Dục tiến vào Tĩnh lự thứ nhất thuộc vô lậu, cho đến Vô sở hữu xứ, nuôi lớn các căn-tăng thêm Đại chủng, Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Ngay tâm-tâm sở pháp ấy cùng với Đại chủng của các căn ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Trong này không nói đến nghĩa của Sở duyên duyên, và sự sai biệt về nuôi lớn-tăng thêm của Tĩnh lực-Vô sắc, như trước nên biết.

Hỏi: Tiến vào Tĩnh lực-Vô sắc thuộc hữu lậu nuôi lớn các căn-tăng thêm Đại chủng, cùng với tiến vào vô lậu, sai biệt thế nào?

Đáp: Hữu lậu nuôi lớn-tăng thêm, nhiều mà không phải là diệu; vô lậu nuôi lớn-tăng thêm, diệu mà không phải là nhiều. Hai thí dụ như trước.

Hỏi: Sinh ở cõi Sắc tiến vào Tĩnh lực thứ nhất thuộc hữu lậu, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nuôi lớn các căn-tăng thêm Đại chủng, Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Ngay tâm-tâm sở pháp ấy cùng với Đại chủng của các căn ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Sinh ở cõi Sắc tiến vào Tĩnh lực thứ nhất thuộc vô lậu, cho đến Vô sở hữu xứ, nuôi lớn các căn-tăng thêm Đại chủng, Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Ngay tâm-tâm sở pháp ấy cùng với Đại chủng của các căn ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Trong này không nói đến Sở duyên, và sự sai biệt về nuôi lớn-tăng thêm của Tĩnh lực-Vô sắc thuộc hữu lậu-vô lậu đều nói như trước.

Hỏi: Có chấp thọ là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp rơi vào tự Thể.

Hỏi: Không có chấp thọ là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp không phải là rơi vào tự Thể.

Nhưng nhiều nơi nói về có chấp thọ, nghĩa là trong này nói có chấp thọ là nghĩa gì? Đó là pháp rơi vào tự Thể. Trong kinh lại nói:

“Đối với uẩn khổ có chấp thọ, thì dẫn dắt sinh ra các khổ,

Đó là sinh khổ và lão khổ, cùng với bệnh khổ và tử khổ.”

Có kinh lại nói: “Không hề nghe dị sinh suốt đời tu sửa về Ngã có chấp thọ.”

Kinh khác lại nói: “Huống gì ở trong thân này tạm thời dừng lại mà có chấp thọ?”

Luận Phẩm Loại Túc nói: “Phần ít của chín Xứ gọi là có chấp

thọ.”

Luận Thức Thân nói: “Uẩn có chấp thọ là sở duyên của Từ.”

Hỏi: Nghĩa của các cách nói như vậy có gì khác nhau?

Đáp: Trong này nói năm Uẩn do thân bên trong thân nhiếp, gọi là có chấp thọ. Kinh thứ nhất nói năm Uẩn thuộc về số hữu tình nối tiếp Chúng đồng phần, gọi là có chấp thọ. Kinh thứ hai nói năm Uẩn quan hệ với Thân kiến từ vô thủy đến nay, gọi là có chấp thọ. Kinh thứ ba nói Sắc uẩn do thân bên trong thân nhiếp, gọi là có chấp thọ. Luận Phẩm Loại Túc nói phần ít của chín Xứ trong một sát-na, gọi là có chấp thọ. Luận Thức Thân nói phần ít của năm Uẩn trong một sát-na, gọi là có chấp thọ.

Có người nói: Luận Phẩm Loại Túc và luận Thức Thân nói phần ít của chín Xứ thuộc về số hữu tình trong một sát-na, gọi là có chấp thọ.

Có người nói: Hai luận nói phần ít của chín Xứ do có căn thân nhiếp trong một sát-na, gọi là có chấp thọ.

Có người nói: Hai luận nói phần ít của chín Xứ do dị thực thân nhiếp trong một sát-na, gọi là có chấp thọ.

Đó gọi là sự sai biệt giữa các cách nói.

Hỏi: Vì sao Từ chỉ duyên với Sắc?

Đáp: Lúc bắt đầu tu thì duyên với Sắc, lúc thành tựu thì duyên với năm Uẩn.

Sư phương Tây nói: “Có chấp thọ có bốn loại:

1. Thân có chấp thọ.
2. Nối tiếp nhau có chấp thọ.
3. Chúng đồng phần có chấp thọ.
4. Thế tục thi thiết có chấp thọ.

Thân có chấp thọ, đó là kinh thứ nhất đã nói: Đối với uẩn khổ có chấp thọ. Nối tiếp nhau có chấp thọ, như nói Ngã có thân căn nối tiếp nhau chấp thọ. Chúng đồng phần có chấp thọ, như nói Ngã có thân căn Chúng đồng phần chấp thọ. Thế tục thi thiết có chấp thọ, như nói Ngã chấp thọ gánh nặng như vậy, sự nghiệp như vậy.”

Trong này nói năm Uẩn bên trong thân gọi là có chấp thọ, pháp này vốn không thân nhiếp thì không có chấp thọ.

Hỏi: Như trước đã nói, có chấp thọ và không có chấp thọ, tướng ấy thế nào?

Đáp: Có người nói: Nếu cùng với máu thịt gân xương trú xen lẫn với nhau, thì gọi là có chấp thọ; cùng với điều này trái ngược nhau thì gọi là không có chấp thọ.

Có người nói: Vào lúc thân thể ấy bị cắt đứt rách toác, sinh ra đau đớn rồi bỏ gánh nặng, gọi là có chấp thọ; cùng với điều này trái ngược nhau thì gọi là không có chấp thọ.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Nếu pháp đã sinh-chưa diệt, thuộc về số hữu tình, thì có đối đãi chứ không phải là do nghe mà gọi là có chấp thọ. Đã sinh là giản lược vị lai. Chưa diệt là ngăn chặn quá khứ. Thuộc về số hữu tình, là ngăn chặn số phi hữu tình. Thì có đối đãi, là ngăn chặn Ý xứ-Pháp xứ. Không phải là do nghe, là ngăn chặn Thanh xứ. Cùng với điều này trái ngược nhau thì gọi là không có chấp thọ.”

Tôn giả Tả Thủ đưa ra cách nói như vậy: “Nếu pháp có phạm vi phương hướng, thuộc về số hữu tình-thân hệ thuộc, thì có đối đãi có thể dẫn dắt-có thể rời bỏ, gọi là có chấp thọ. Có phạm vi phương hướng, là ngăn chặn quá khứ-vị lai. Thuộc về số hữu tình, là ngăn chặn số phi hữu tình. Thân hệ thuộc, là ngăn chặn thân đã thoát ra, đó là tóc-lông... Thì có đối đãi, là ngăn chặn Ý xứ-Pháp xứ. có thể dẫn dắt-có thể rời bỏ, là ngăn chặn Thanh xứ. Cùng với điều này trái ngược nhau thì gọi là không có chấp thọ.”

Hỏi: Trong mười hai Xứ, mấy Xứ có chấp thọ, mấy Xứ không có chấp thọ?

Đáp: Nếu sinh ở cõi Dục thì phần ít của chín Xứ là có chấp thọ; toàn phần của ba Xứ và phần ít của chín Xứ là không có chấp thọ. Ba Xứ, đó là Thanh xứ-Ý xứ-Pháp xứ. Nếu sinh ở cõi Sắc thì phần ít của bảy Xứ là có chấp thọ; toàn phần của ba Xứ và phần ít của bảy Xứ là không có chấp thọ. Ba Xứ, nói như trước.

Hỏi: Ba mươi sáu loại các vật bất tịnh ở trong thân này, mấy loại có chấp thọ, mấy loại không có chấp thọ?

Đáp: Lông-tóc-răng-móng, căn là có chấp thọ, còn lại là không có chấp thọ. Da-mật-não-máu, sinh là có chấp thọ, mục nát thì không có chấp thọ. Xương-thịt-gân-mạch-tim-phổi-lách-thận-gan-ruột-dạ dày-mô-mỡ-tủy não-sinh tạng-thục tạng, đều có chấp thọ; máu mủ-đàm dãi-nước mắt-nước mũi-nước miếng-mồ hôi-nước tiểu-bụi bẩn, đều không có chấp thọ.

Hỏi: Thuận theo Thủ là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp hữu lậu.

Hỏi: Không thuận theo Thủ là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp vô lậu.

Hỏi: Vì sao pháp hữu lậu gọi là thuận theo Thủ?

Đáp: Có người nói: Pháp này từ Thủ mà sinh ra, có thể sinh ra Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Pháp này từ Thủ mà chuyển, có thể xoay chuyển Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Pháp này do Thủ mà dẫn dắt, có thể dẫn dắt Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Pháp này do Thủ mà nuôi lớn, có thể nuôi lớn Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Pháp này do Thủ mà tăng rộng, tăng rộng đối với Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ. Ở đây nói tăng rộng là hiển bày về nghĩa mọc lan ra.

Có người nói: Pháp này hệ thuộc đối với Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ. Như thuộc về Vua thì gọi là thuận theo Vua. Bởi vì bên trong không có Ngã, nếu có ai hỏi rằng ông thuộc về ai, thì trả lời rằng thuộc về Thủ.

Có người nói: Các Thủ ở trong pháp này, sắp sinh-đã sinh, sắp giữ-đã giữ, sắp trú-đã trú, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Các Thủ ở trong pháp này, sắp nuôi lớn-đã nuôi lớn, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Các Thủ ở trong pháp này, sắp tăng rộng-đã tăng rộng, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Các Thủ bám chắc vào pháp này, như vật thấm ướt dầu mỡ thì bụi bẩn cứ bám vào, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Các Thủ thích trú vào pháp này, như cá tôm ếch nhái thích ở trong nước, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Pháp này là nhà cửa-nơi dừng chân yên ổn của Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Nghĩa là dựa vào pháp này, cho nên tất cả Ái-Mạn-Kiến-Nghi-Sân-Si, các triền cấu... đều sinh trưởng. Các pháp hữu lậu do cùng phần Thủ mà có được tên gọi thuận theo Thủ, chứ không phải là khác phần Thủ. Nghĩa là pháp của cõi Dục do Thủ của cõi Dục, pháp của cõi Sắc do Thủ của cõi Sắc, pháp của cõi Vô sắc do Thủ của cõi Vô sắc, pháp của địa Tĩnh lự thứ nhất do Thủ của địa Tĩnh lự thứ nhất, cho đến pháp của địa Phi tưởng phi phi tưởng do Thủ của địa Phi tưởng phi phi tưởng, bởi vì pháp hữu lậu thì cõi-địa không có xen tạp. Nếu dựa vào sự nối tiếp nhau thì có nghĩa của xen tạp, nghĩa là do thân mình giữ lấy(thủ) pháp của thân khác mà có được tên gọi thuận theo Thủ, do thân khác giữ lấy pháp của thân mình mà có được tên gọi thuận theo Thủ; nếu

không như vậy thì pháp bên ngoài lẽ ra không phải là thuận theo Thủ, bởi vì bên ngoài không có Thủ.

Hỏi: Thuận theo Kiết là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp hữu lậu.

Hỏi: Không thuận theo Kiết là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp vô lậu. Giải thích rộng về nghĩa thuận theo Kiết-không thuận theo Kiết, như trước nói về thuận theo Thủ-không thuận theo Thủ.

Hỏi: Kiến xứ là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp hữu lậu.

Hỏi: Không phải Kiến xứ là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp vô lậu.

Nhưng có nhiều nơi nói đến thanh Kiến xứ, nghĩa là trong này nói: “Kiến xứ là gì? Đó là đi cùng pháp hữu lậu.”

Trong kinh Ca Nại Đà lại nói: “Các kiến vốn có, các kiến xứ vốn có, các kiến triển vốn có, các kiến đẳng khởi vốn có, các kiến tổn hại vốn có, Đức Thế Tôn biết rõ-thấy rõ tất cả.”

Trong này, Kiến là năm Kiến, Kiến xứ là sở duyên của Kiến, Kiến triển là Kiến hiện hành, Kiến đẳng khởi là nhân của Kiến, Kiến tổn hại là Kiến diệt, Đức Thế Tôn biết rõ-thấy rõ tất cả là đối trị của Kiến.

Có người đưa ra cách nói này: Kiến-Kiến xứ-Kiến triển là Khổ đế, Kiến đẳng khởi là Tập đế, Kiến tổn hại là Diệt đế, Đức Thế Tôn biết rõ-thấy rõ tất cả là Đạo đế.

Kinh A La Yết Đà Dụ lại nói: “Có sáu kiến xứ, đó là các Sắc vốn có, hoặc quá khứ-hoặc vị lai-hoặc hiện tại, nói rộng cho đến Tỳ kheo nên dùng Chánh tuệ để quán xét tất cả Sắc ấy không phải là ngã-ngã sở, đừng khởi lên ngã mạn. Các Thọ vốn có, cho đến nói rộng ra. Các Tưởng vốn có, cho đến nói rộng ra. Những người có thấy-nghe-hiểu-biết, nếu đạt được-nếu mong cầu, thì ý tùy theo tâm-tứ, cho đến nói rộng ra. Những người có kiến này, có ngã-có hữu tình-có thể gian, luôn luôn an trú không có biến đổi, pháp đích thực an trú như vậy, cho đến nói rộng ra. Những người có kiến này, ngã thuận theo không có, ngã thuận theo không phải là có, ngã sẽ không có, ngã sẽ không phải là có. Tỳ kheo nên dùng Chánh tuệ để quán xét tất cả không phải là ngã-ngã sở, đừng khởi lên ngã mạn. Tỳ kheo nên đối với Kiến xứ-Thủ xứ... như vậy, tùy theo quán sát không có ngã-ngã sở. Nếu có thể như vậy thì đối với thế gian không hề có chấp thọ, cho đến nói rộng ra.”

Trong này, các Sắc-Thọ-Tưởng vốn có, tức là Sắc-Thọ-Tưởng uẩn. Những người có Kiến này, có Ngã-có Hữu tình, cho đến nói rộng ra; những người có Kiến này, Ngã thuận theo không có, cho đến nói rộng ra, đó là Hành uẩn. Những người có thấy-nghe-hiểu-biết..., đó là Thức uẩn.

Hỏi: Thấy-nghe-hiểu-biết nghĩa ấy đã đầy đủ, nếu đạt được-nếu mong cầu, thì ý tùy theo tâm tứ, lại hiển bày điều gì?

Đáp: Trước mở rộng-nay tóm lược, trước riêng biệt-nay tổng quát, trước tách ra-nay hợp lại, trước từ từ-nay mau lẹ, đó gọi là đã hiển bày về pháp phòng ngừa các lậu.

Kinh lại đưa ra cách nói này: “Đối với sáu Kiến xứ không Chánh tư duy, thì đối với thân bên trong thuận theo khởi lên một chấp, vì Đế-vì Trú cho nên có ngã, vì Đế-vì Trú cho nên ngã không có ngã, ngã thấy ngã, ngã thấy không có ngã, không có ngã thấy ngã. Hoặc là lúc này có ngã, có hữu tình, có mạng sống, có sinh ra, có nuôi dưỡng, có Bồ-đặc-già-la, có ý sinh khởi, có Ma-nạp-bà. Hoặc là không hề cho rằng hiện có, ở khắp mọi nơi đã làm-chưa làm các nghiệp thiện ác nhận lấy quả dị thực.”

Hỏi: Bốn nơi như vậy nói về thanh Kiến xứ có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Trong này đã nói đến Kiến xứ, là hiển bày về tất cả các pháp hữu lậu. Kinh thứ nhất đã nói đến Kiến xứ, là hiển bày tổng quát về năm Kiến. Kinh thứ hai đã nói đến Kiến xứ, là hiển bày về Kiến và pháp lìa Kiến. Kinh thứ ba đã nói đến Kiến xứ, là hiển bày về Hữu thân kiến-Biên chấp kiến.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu đã nói đến Kiến xứ, là hiển bày tổng quát về năm Thủ uẩn. Kinh thứ ba đã nói đến Kiến xứ, là chỉ hiển bày về phần ít của Hành uẩn.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu, hiển bày chung về Pháp tương ứng-không tương ứng. Kinh thứ ba chỉ hiển bày về Pháp tương ứng. Như tương ứng-không tương ứng, có sở y-không có sở y, có hành tương ứng-không có hành tương ứng, có sở duyên-không có sở duyên, có cảnh giác-không có cảnh giác, cũng như vậy.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu, hiển bày chung về Pháp có sắc-không có sắc. Kinh thứ ba chỉ hiển bày về Pháp không có sắc. Như có sắc-không có sắc, có thấy-không có thấy, có đối-không có đối, cũng như vậy.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu, hiển bày chung về Pháp nhiễm-không nhiễm. Kinh thứ ba chỉ hiển bày về Pháp nhiễm. Như

nhiễm-không nhiễm, có tội-không có tội, có che phủ-không có che phủ, thiện-bất thiện, triển-không phải triển, cũng như vậy.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu, hiển bày chung về Pháp do kiến-tu mà đoạn. Kinh thứ ba chỉ hiển bày về Pháp do kiến mà đoạn. Như do kiến mà đoạn-do tu mà đoạn, không có quan hệ-có quan hệ, Nhẫn đối trị-Trí đối trị, cũng như vậy.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu, hiển bày chung về Pháp thiện-bất thiện-vô ký. Kinh thứ ba chỉ hiển bày về Pháp vô ký.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu, hiển bày chung về Pháp có dị thực-không có dị thực. Kinh thứ ba chỉ hiển bày về Pháp không có dị thực.

Hỏi: Các pháp hữu lậu, do Kiến nào mà nói là Kiến xứ?

Đáp: Có người nói: Do Hữu thân kiến-Biên chấp kiến cho nên nói là Kiến xứ, bởi vì hai loại này chỉ duyên với cảnh của địa mình.

Có người nói: Do bốn Kiến, đó là trong năm Kiến trừ ra Tà kiến, bởi vì bốn loại này duyên với hữu lậu.

Nói như vậy thì do năm Kiến cho nên mang lấy tên gọi Kiến xứ.

Hỏi: Nếu như vậy thì Diệt-Đạo nên gọi là Kiến xứ, bởi vì cảnh của Tà kiến?

Đáp: Kiến xứ có hai loại:

1. Xứ thuộc Sở duyên.
2. Xứ thuộc Tùy miên.

Có đủ hai nghĩa này mới gọi là Kiến xứ, Diệt-Đạo tuy là Xứ thuộc sở duyên của tà kiến, nhưng không phải là Xứ thuộc tùy miên, cho nên không gọi là Kiến xứ.

Có người nói: Kiến xứ có hai loại:

1. Xứ thuộc Sở duyên.
2. Xứ thuộc Tương ứng.

Có đủ hai loại này thì thiết lập tên gọi Kiến xứ, Diệt-Đạo tuy là Xứ thuộc sở duyên của Kiến, nhưng không phải là Xứ thuộc tương ứng, vì vậy không mang lấy tên gọi Kiến xứ.

Nếu pháp là bên trong thì pháp ấy do Xứ bên trong thâu nhiếp chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, tùy theo ý muốn ấy mà soạn luận, nhưng không trái với pháp tướng thì không cần phải vặn hỏi.

Có người đưa ra cách nói này: Vì ngăn chặn tông chỉ của người

khác để hiển bày về nghĩa của mình, nghĩa là có tông phái khác nói là pháp trong- ngoài đều không phải là có thật. Nay ngăn chặn ý đó, trình bày về pháp trong-ngoài đều là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Nhưng mà pháp trong-ngoài có ba loại sai biệt:

1. Nối tiếp nhau trong ngoài, nghĩa là thuộc về thân của mình thì gọi là bên trong, thuộc về thân khác và số phi hữu tình thì gọi là bên ngoài.

2. Xứ trong ngoài, nghĩa là sở y của tâm-tâm sở gọi là bên trong, sở duyên gọi là bên ngoài.

3. Tình phi tình trong ngoài, nghĩa là pháp thuộc số hữu tình gọi là bên trong, pháp thuộc số phi hữu tình gọi là bên ngoài. Trong này chỉ dựa vào sự nối tiếp nhau mà soạn luận.

Hỏi: Nếu pháp là bên trong thì pháp ấy do Xứ bên trong thâm nhiếp chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là bên trong mà không phải là do Xứ bên trong thâm nhiếp, như nói trú vào Thọ bên trong-Pháp bên trong, tuần tự quán xét về pháp. Pháp ấy là bên trong, bởi vì thuộc về thân của mình; không phải là do Xứ bên trong thâm nhiếp, bởi vì không phải là sở y của tâm-tâm sở. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp năm cảnh như Sắc... của thân mình.

2. Có pháp do Xứ bên trong thâm nhiếp mà không phải là bên trong, như nói trú vào Thân bên ngoài-Tâm bên ngoài, tuần tự quán xét về tâm. Pháp ấy do Xứ bên trong thâm nhiếp, bởi vì là sở y của tâm-tâm sở; không phải là bên trong, bởi vì không phải là thuộc về thân của mình. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp mắt-tai-mũi-lưỡi của thân khác.

3. Có pháp là bên trong cũng do Xứ bên trong thâm nhiếp, như nói trú vào Thân bên trong-Tâm bên trong, tuần tự quán xét về tâm. Pháp ấy là bên trong, bởi vì thuộc về thân của mình; cũng do Xứ bên trong thâm nhiếp, bởi vì là sở y của tâm-tâm sở. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp mắt-tai-mũi-lưỡi của thân mình.

4. Có pháp không phải là bên trong cũng không phải là do Xứ bên trong thâm nhiếp, như nói trú vào Thọ bên ngoài-Pháp bên ngoài, tuần tự quán xét về pháp. Pháp ấy không phải là bên trong, bởi vì không phải là thuộc về thân của mình; không phải là do Xứ bên trong thâm nhiếp, bởi vì không phải là sở y của tâm-tâm sở. Nên biết trong này

cũng thâm nhiếp năm cảnh như Sắc... của thân khác.

Hỏi: Nếu pháp là bên ngoài thì pháp ấy do Xứ bên ngoài thâm nhiếp chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là bên ngoài mà không phải là do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, như nói trú vào Thân bên ngoài-Tâm bên ngoài, tuần tự quán xét về tâm. Pháp ấy là bên ngoài, bởi vì thuộc về thân khác; không phải là do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, bởi vì không phải là chỉ có sở duyên của tâm-tâm sở. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp mắt-tai-mũi-lưỡi của thân khác.

2. Có pháp do Xứ bên ngoài thâm nhiếp mà không phải là bên ngoài, như nói trú vào Thọ bên trong-Pháp bên trong, tuần tự quán xét về pháp. Pháp ấy do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, bởi vì chỉ có sở duyên của tâm-tâm sở; không phải là bên ngoài, bởi vì không phải là thuộc về thân khác, và không phải là thuộc sở hữu tình. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp năm cảnh như Sắc... của thân mình.

3. Có pháp là bên ngoài cũng do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, như nói trú vào Thọ bên ngoài-Pháp bên ngoài, tuần tự quán xét về pháp. Pháp ấy là bên ngoài, bởi vì thuộc về thân khác và không phải là thuộc sở hữu tình; cũng do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, bởi vì chỉ là sở duyên của tâm-tâm sở. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp năm cảnh như Sắc... của thân khác.

4. Có pháp không phải là bên ngoài cũng không phải là do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, như nói trú vào Thân bên trong-Tâm bên trong, tuần tự quán xét về tâm. Pháp ấy không phải là bên ngoài, bởi vì không phải là thuộc về thân khác, và không phải là thuộc sở hữu tình; không phải là do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, bởi vì không phải là chỉ có sở duyên của tâm-tâm sở. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp mắt-tai-mũi-lưỡi của thân mình.

